

DOI: 10.58490/ctump.2025i91.4181

**KIẾN THỨC VÀ THÁI ĐỘ VỀ VIÊM GAN SIÊU VI B VÀ VẮC XIN
CỦA SINH VIÊN NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

*Lê Thị Thùy Trang, Lê Thị Thúy An, Nguyễn Thị Hồng Anh, Kim Thị Anh Khoa,
Huỳnh Duy Khánh, Nguyễn Thị Hồng, Trịnh Thị Hồng Cúa**

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: tthcua@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 06/8/2025

Ngày phản biện: 21/9/2025

Ngày duyệt đăng: 25/9/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Viêm gan siêu vi B là bệnh do virus viêm gan siêu vi B (Hepatitis B Virus: HBV) gây ra, có thể đe dọa tính mạng người bệnh. Việc nâng cao kiến thức và thái độ phòng ngừa HBV cho sinh viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát bệnh. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỉ lệ sinh viên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có kiến thức đúng về bệnh, về vắc xin và thái độ đúng về phòng ngừa viêm gan siêu vi B; đồng thời xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức và thái độ của đối tượng nghiên cứu. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 257 sinh viên chính quy ngành kỹ thuật xét nghiệm y học năm 01 đến năm 4 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Dữ liệu thu thập bằng bộ câu hỏi tự điền để đánh giá kiến thức về bệnh viêm gan siêu vi B (13 câu), vắc xin (5 câu), thái độ phòng ngừa bệnh (8 câu) và được xử lý bằng phần mềm Stata 17.0 và SPSS 26.0. **Kết quả:** Tỉ lệ sinh viên có kiến thức đúng về viêm gan siêu vi B là 50,58%, về vắc xin viêm gan siêu vi B là 64,98%; tỉ lệ thái độ đúng đạt 99,61%. Kiến thức về bệnh không liên quan đến tuổi, giới tính, năm học và tôn giáo với $p > 0,05$. Kiến thức về vắc xin có liên quan đến tuổi, giới tính và năm học với $p < 0,05$. Thái độ về phòng ngừa viêm gan siêu vi B không liên quan đến tuổi, giới tính, năm học và tôn giáo với $p > 0,05$. **Kết luận:** Kiến thức của sinh viên về bệnh và vắc xin viêm gan siêu vi B còn hạn chế, trong khi thái độ rất tích cực. Vì thế, cần tăng cường đào tạo và lồng ghép lý thuyết với thực hành để nâng cao hiệu quả phòng ngừa bệnh.

Từ khóa: Viêm gan siêu vi B, tiêm ngừa, kiến thức, thái độ, sinh viên xét nghiệm.

ABSTRACT

**KNOWLEDGE AND ATTITUDES TOWARDS HEPATITIS B VIRUS
AND VACCINATION AMONG MEDICAL LABORATORY
TECHNOLOGY STUDENTS**

AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

*Le Thi Thuy Trang, Le Thi Thuy An, Nguyen Thi Hong Anh, Kim Thi Anh Khoa,
Huynh Duy Khanh, Nguyen Thi Hong, Trinh Thi Hong Cua**

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Hepatitis B is a disease caused by the Hepatitis B virus (HBV), which can pose a life-threatening risk to infected individuals and remains a major global public health concern. Improving knowledge and attitudes toward HBV prevention among students plays an important role in disease control, especially for those in health-related fields who may be at higher risk of exposure during clinical training and practice. **Objectives:** The study aimed to determine the proportion of Medical Laboratory Technology students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy possessing correct knowledge of Hepatitis B and its vaccine, and a correct attitude towards prevention; and to

identify factors associated with their knowledge and attitude. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted among 257 full-time students majoring in Medical Laboratory Technology from the first to the fourth year at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. Data were collected using a self-administered questionnaire consisting of 13 items assessing knowledge about hepatitis B infection, 5 items on vaccine-related knowledge, and 8 items evaluating attitudes toward disease prevention. The data were analyzed using Stata version 17.0 and SPSS version 26.0.

Results: The proportion of students with correct knowledge about hepatitis B was 50.58%, and regarding the hepatitis B vaccine was 64.98%. The percentage of students with a positive attitude toward prevention was remarkably high at 99.61%. Knowledge about the disease was not significantly associated with age, gender, academic year, or religion ($p>0.05$). In contrast, knowledge about the hepatitis B vaccine showed significant associations with age, gender, and academic year ($p<0.05$). Attitudes toward HBV prevention were not associated with any demographic factors ($p>0.05$).

Conclusion: Students demonstrated limited knowledge about hepatitis B and its vaccine, despite showing highly positive attitudes toward prevention. These findings highlight the necessity to strengthen educational programs, integrating theoretical learning with practical training to enhance awareness and promote effective preventive behaviors against HBV infection among medical laboratory students.

Keywords: Hepatitis B, vaccination, knowledge, attitude, laboratory technology students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh viêm gan siêu vi B là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm do virus HBV gây ra, có thể dẫn đến viêm gan cấp, viêm gan mạn, xơ gan và ung thư biểu mô tế bào gan, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng trên toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Theo ước tính cập nhật của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) năm 2022, trên toàn cầu có khoảng 254 triệu người đang sống chung với viêm gan siêu vi B. Mặc dù số ca mắc mới giảm nhẹ so với năm 2019, nhưng tình hình viêm gan siêu vi B vẫn còn đáng lo ngại. Năm 2022, thế giới ghi nhận khoảng 1,2 triệu ca nhiễm viêm gan siêu vi B mới, tương đương với hơn 3.000 người mắc mới mỗi ngày [1]. Việt Nam nằm trong vùng có tỉ lệ nhiễm HBV cao với tỉ lệ mang virus trong cộng đồng dao động 15-25% tùy theo nhóm đối tượng, tương đương khoảng 16 triệu người mắc các bệnh do virus viêm gan [2]. Trong số đó, khoảng hơn 10% trường hợp có nguy cơ tiến triển thành ung thư gan và hằng năm có khoảng 20.000 người mắc viêm gan và tỉ lệ tử vong từ 0,7-0,8% [2]. Nhân viên y tế, trong đó có sinh viên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học là nhóm đối tượng có nguy cơ phơi nhiễm HBV cao do thường xuyên tiếp xúc với mẫu bệnh phẩm và bệnh nhân. Nghiên cứu của Siriphone Virachith và cộng sự (2024) công bố tỉ lệ nhiễm HBV của nhân viên y tế tại Lào là 5,4% và 40,1% nhân viên y tế có kháng thể miễn dịch viêm gan siêu vi B [3]. Nhân viên y tế có nguy cơ nhiễm HBV từ các tổn thương do kim/vật sắc nhọn rõ rệt [4], kết quả này cho thấy việc nâng cao kiến thức và thái độ đúng về phòng ngừa HBV là hết sức cần thiết cho các sinh viên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học, là những nhân viên y tế tương lai, nhằm giảm nguy cơ lây nhiễm và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Chính vì thế, nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định mức độ kiến thức và thái độ về viêm gan siêu vi B, cũng như một số yếu tố liên quan ở sinh viên chuyên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Sinh viên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học tại Trường đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên chính quy ngành kỹ thuật viên xét nghiệm y học năm 1, 2, 3 và 4 của năm học 2024-2025; đang theo học tại Trường đại học Y Dược Cần Thơ và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không hoàn thành đầy đủ bộ câu hỏi khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Áp dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ, nghiên cứu thu nhận 257/328 sinh viên đủ điều kiện tham gia (78,35%) sau khi loại trừ.

- **Nội dung nghiên cứu:** Dữ liệu thu thập bằng bộ câu hỏi tự điền gồm 26 câu, chia thành 4 phần: (1) Kiến thức về bệnh viêm gan siêu vi B (13 câu), (2) Kiến thức về vắc xin phòng ngừa viêm gan siêu viB (5 câu), (3) Thái độ phòng ngừa bệnh (8 câu). Cách đánh giá: (1) Kiến thức: Mỗi lựa chọn đúng được 1 điểm, lựa chọn sai không được điểm. Sinh viên đạt $\geq 70\%$ tổng điểm tối đa được xem là có kiến thức đúng về bệnh và vắc xin phòng ngừa viêm gan siêu vi B. (2) Thái độ: Đánh giá theo thang Likert 5 mức (0-4 điểm), từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”, sinh viên đạt $\geq 70\%$ tổng điểm được xem là có thái độ đúng.

- **Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:** Dữ liệu sau khi thu thập được mã hóa và xử lý bằng phần mềm Stata 17.0 và SPSS 26.0.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu tuân thủ các quy định về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học và được Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ phê duyệt theo Quyết định số 24.085.SV/PCTHĐĐĐ ngày 09 tháng 11 năm 2024.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

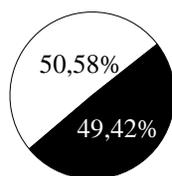
3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung	Phân bố	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	85	33,07
	Nữ	172	66,93
Tuổi	< 21 tuổi	135	52,53
	≥ 21 tuổi	122	47,47
Năm học	1-2	145	56,42
	3-4	112	43,58
Tôn giáo	Có	58	22,57
	Không	199	77,43

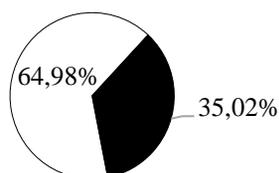
Nhận xét: Trong 257 sinh viên tham gia, nữ chiếm tỉ lệ cao hơn nam giới (66,93%). Về độ tuổi, nhóm dưới 21 tuổi (52,53%) chiếm ưu thế hơn so với nhóm từ 21 tuổi trở lên (47,47%). Về năm học, năm 1 và năm 2 chiếm tỉ lệ cao hơn (56,42%) năm 3 và năm 4 (43,58%). Đa số không theo tôn giáo (77,43%), còn lại là có tôn giáo (22,57%).

3.2. Tỷ lệ sinh viên có kiến thức và thái độ đúng về bệnh viêm gan siêu vi B và vắc xin phòng ngừa



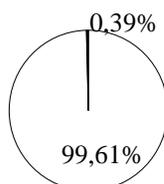
□ Đúng ■ Chưa đúng

Biểu đồ 1. Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về bệnh viêm gan siêu vi B.
 Nhận xét: 50,58% sinh viên có kiến thức đúng về viêm gan siêu vi B.



□ Đúng ■ Chưa đúng

Biểu đồ 2. Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về vắc xin phòng ngừa bệnh viêm gan siêu vi B.
 Nhận xét: 64,98% sinh viên có kiến thức đúng về vắc xin phòng ngừa viêm gan siêu vi B.



□ Đúng ■ Chưa đúng

Biểu đồ 3. Tỷ lệ sinh viên có thái độ đúng về phòng ngừa viêm gan siêu vi B.
 Nhận xét: Có 99,61% sinh viên có thái độ đúng về phòng ngừa viêm gan siêu vi B, trong khi 0,39% chưa đúng.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về viêm gan siêu vi B của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về bệnh viêm gan siêu vi B

Đặc điểm	Phân bố	Kiến thức		OR (KTC 95%)	P
		Chưa đúng (n, %)	Đúng (n, %)		
Giới tính	Nam	47 (55,29)	38 (44,71)	1,422 (0,844-2,398)	0,185
	Nữ	80 (46,51)	92 (53,49)		
Tuổi	< 21 tuổi	74 (54,81)	61 (45,19)	1,579 (0,965-2,586)	0,069
	≥ 21 tuổi	53 (43,44)	69 (56,56)		
Năm học	1-2	77 (53,10)	68 (46,90)	1,404 (0,856-2,304)	0,179
	3-4	50 (44,64)	62 (55,36)		
Tôn giáo	Có	33 (33,33)	26 (66,67)	1,404 (0,782-2,520)	0,254
	Không	94 (47,47)	104 (52,53)		

Nhận xét: Sự khác biệt tỷ lệ kiến thức về bệnh viêm gan siêu vi B với giới tính, tuổi, năm học và tôn giáo không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Trong đó giới nữ, độ tuổi ≥ 21

tuổi, năm học 3-4 và không có tôn giáo có kiến thức chưa đúng thấp hơn giới nam, độ tuổi < 21 tuổi, năm học 3-4 và có tôn giáo lần lượt gấp 1,422, 1,579, 1,404, 1,404 lần.

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về vắc xin phòng ngừa bệnh viêm gan siêu vi B

Đặc điểm	Phân bố	Kiến thức		OR (KTC 95%)	p
		Chưa đúng (n, %)	Đúng (n, %)		
Giới tính	Nam	39 (45,88)	46 (54,12)	2,012 (1,175-3,444)	0,010
	Nữ	51 (29,65)	121 (70,35)		
Tuổi	< 21 tuổi	59 (43,70)	76 (56,30)	2,279 (1,340-3,875)	0,002
	≥ 21 tuổi	31 (25,41)	91 (74,59)		
Năm học	1-2	63 (53,45)	82 (56,55)	2,419 (1,405-4,165)	0,001
	3-4	27 (24,11)	85 (75,89)		
Tôn giáo	Có	24 (40,68)	35 (59,32)	1,371 (0,754-2,493)	0,299
	Không	66 (33,33)	132 (66,67)		

Nhận xét: Sự khác biệt tỉ lệ kiến thức về vắc xin phòng bệnh viêm gan siêu vi B với giới tính, tuổi và năm học có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Trong đó giới nữ, độ tuổi ≥ 21 tuổi và năm học 3-4 có kiến thức chưa đúng thấp hơn với giới nam, <21 tuổi và năm học 1-2 lần lượt gấp 2,012, 2,279 và 2,419 lần. Riêng với tôn giáo thì không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$, OR=1,371).

Bảng 4. Một số yếu tố liên quan đến thái độ về phòng ngừa viêm gan siêu vi B

Đặc điểm	Phân bố	Thái độ		p
		Chưa đúng (n, %)	Đúng (n, %)	
Giới tính	Nam	1 (1,18)	84 (98,82)	0,154
	Nữ	0 (0,00)	172 (100,00)	
Tuổi	< 21 tuổi	1 (0,74)	134 (99,26)	0,341
	≥ 21 tuổi	0 (0,00)	122 (100,00)	
Năm học	1-2	1 (0,69)	144 (99,31)	0,379
	3-4	0 (0,00)	112 (100,00)	
Tôn giáo	Có	0 (0,00)	59 (100,00)	0,584
	Không	1 (0,51)	197 (99,49)	

Nhận xét: Sự khác biệt tỉ lệ thái độ về phòng ngừa viêm gan siêu vi B với giới tính, tuổi, năm học và tôn giáo không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức, thái độ về viêm gan siêu vi B, vắc xin và phòng ngừa viêm gan siêu vi B của sinh viên nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỉ lệ sinh viên có kiến thức đúng về viêm gan siêu vi B và vắc xin phòng ngừa lần lượt là 50,58% và 64,98% (với ngưỡng đánh giá đạt $\geq 70\%$ tổng điểm). Kiến thức đầy đủ về đường lây, biện pháp phòng ngừa, nguy cơ và hậu quả của HBV là điều cần thiết để sinh viên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học bảo vệ bản thân và hạn chế lây nhiễm trong môi trường thực hành lâm sàng. Tỉ lệ kiến thức đúng về vắc xin phòng ngừa trong nghiên cứu này cao hơn so với kết quả của Trần Ánh Bắc (2021) khảo sát trên sinh viên ngành Y khoa (51,25%) [5] và Võ Quang Trung (2024) trên sinh viên ngành Dược học (51,3%) [6]. Tuy nhiên, sự khác biệt này không đáng kể và nhìn chung mức độ kiến thức

của sinh viên nghiên cứu vẫn chỉ ở mức độ trung bình. Điều này cho thấy vẫn cần tăng cường các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe và củng cố kiến thức phòng ngừa HBV cho sinh viên.

Về thái độ, đa số sinh viên có quan điểm tích cực trong phòng ngừa HBV với tỉ lệ 99,61% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với các phát biểu tích cực. Tỉ lệ này còn cao hơn đáng kể so với nghiên cứu của Salekur Rahman (43,3%) [7] và Võ Quang Trung (43,0%) [6]. Kết quả này phản ánh rằng sinh viên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học không chỉ có mức kiến thức tương đối mà còn thể hiện thái độ đúng đắn, tích cực trong phòng ngừa bệnh, tạo nền tảng quan trọng để hình thành hành vi an toàn trong thực hành lâm sàng.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về viêm gan siêu vi B của sinh viên nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức về viêm gan siêu vi B với giới tính, tuổi, năm học, tôn giáo ($p>0,05$). Tỉ lệ kiến thức đúng có xu hướng cao hơn ở nữ (53,49%), nhóm ≥ 21 tuổi (56,56%) và sinh viên năm 3-4 (55,36%) và nhóm không tôn giáo (52,53%), song sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê. Cụ thể, sinh viên giới nữ, độ tuổi ≥ 21 tuổi, năm học 3-4 và không có tôn giáo có khả năng kiến thức đúng cao hơn giới nam, độ tuổi < 21 tuổi, năm học 1-2 và có tôn giáo lần lượt gấp 1,422, 1,579, 1,404, 1,404 lần. Điều này cho thấy môi trường đào tạo có ảnh hưởng lớn hơn yếu tố cá nhân. Kết quả của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Võ Quang Trung (2024) trên sinh viên ngành Dược học khi không ghi nhận mối liên quan giữa kiến thức và tuổi, năm học ($p>0,05$) [6]. Tuy nhiên, khác với nghiên cứu của Lê Thanh Huyền (2021), khi tác giả công bố sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kiến thức theo giới tính ($p<0,05$) [8].

Đối với kiến thức về vắc xin phòng ngừa viêm gan siêu vi B, nghiên cứu này ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê với giới tính, tuổi và năm học ($p<0,05$). Sinh viên nữ (70,35%) có tỉ lệ kiến thức đúng cao hơn nam (54,12%), nhóm ≥ 21 tuổi (56,56%) cao hơn nhóm < 21 tuổi (45,19%) và sinh viên năm 3-4 (75,89%) cao hơn sinh viên năm 1-2 (56,55%). Kết quả này phản ánh vai trò của sự trưởng thành nhận thức và sự tích lũy kiến thức chuyên môn trong quá trình học tập. Cụ thể, sinh viên ≥ 21 tuổi có khả năng có kiến thức đúng cao hơn 2,274 lần so với nhóm < 21 tuổi và nữ giới có kiến thức đúng cao gấp 2,012 lần so với nam giới, cho thấy nhận thức và khả năng tiếp cận thông tin của các nhóm này tốt hơn. Đối với năm học, sinh viên năm 3-4 có khả năng có kiến thức đúng cao hơn 1,371 lần so với sinh viên năm 1-2, cho thấy xu hướng tích lũy kiến thức theo tiến trình đào tạo. Trong khi đó, yếu tố tôn giáo không liên quan đến kiến thức, thể hiện sự đồng đều về mức độ hiểu biết giữa các nhóm tôn giáo trong quần thể nghiên cứu. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Lê Thanh Huyền (2021) khi ghi nhận sự khác biệt theo giới tính có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) [8].

Về thái độ phòng ngừa viêm gan siêu vi B, nghiên cứu này cho thấy tỉ lệ thái độ đúng rất cao (99,61%) và không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với giới tính, tuổi, năm học và tôn giáo ($p>0,05$). Tỉ lệ thái độ đúng ở sinh viên nữ (100%) cao hơn sinh viên nam (98,82%), nhóm ≥ 21 tuổi (100%) cao hơn nhóm < 21 tuổi (99,26%) và sinh viên năm 3-4 (100%) cao hơn năm 1-2 (99,31%), tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Bên cạnh đó, tất cả các nhóm tôn giáo và không tôn giáo đều có tỉ lệ thái độ đúng (100%). Điều này cho thấy môi trường đào tạo kiến thức y khoa cùng với ý thức phơi nhiễm nghề nghiệp đã giúp củng cố thái độ phòng bệnh của sinh viên. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Võ Quang Trung trên sinh viên Dược học khi không tìm thấy mối liên quan giữa thái độ và các đặc điểm nhân khẩu học ($p>0,05$) [6].

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy tỉ lệ sinh viên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học có kiến thức đúng về bệnh viêm gan siêu vi B (50,58%) và vắc xin phòng ngừa (64,98%) còn ở mức chưa cao, trong khi thái độ tích cực đạt tỉ lệ rất cao (99,61%). Vì thế, cần tăng cường hoạt động đào tạo và truyền thông, kết hợp lý thuyết với thực hành nhằm nâng cao kiến thức, duy trì thái độ tích cực và thúc đẩy hành vi phòng ngừa hiệu quả trong phòng chống viêm gan siêu vi B.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài theo Quyết định giao thực hiện số 4618/QĐ-ĐHYDCT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization. WHO sounds alarm on viral hepatitis infections claiming 3500 lives each day. 2024. <https://www.who.int/news/item/09-04-2024-who-sounds-alarm-on-viral-hepatitis-infections-claiming-3500-lives-each-day>.
 2. Trịnh Thị Ngọc. Tổng quan tình hình viêm gan B tại Việt Nam, báo cáo tại hội nghị gan mật, Hà Nội. 2020.
 3. Virachith S, Phakhounthong K, Khounvisith V, Mayxay M, Kounnavong S, et al. Hepatitis B virus exposure, seroprotection status, and susceptibility in health care workers from Lao People's Democratic Republic: cross-sectional study. *JMIR Public Health Surveill.* 2024. 10, e65093, <https://doi.org/10.2196/65093>.
 4. Cheuyem FZL, Lyonga EE, Kamga HG, Mbopi-Keou FX, Takougang I. Needlestick and sharp injuries and hepatitis B vaccination among healthcare workers: a cross-sectional study in six district hospitals in Yaounde (Cameroon). *Journal of Community Medicine & Public Health.* 2023. 7, 321, <https://doi.org/10.29011/2577-2228.100321>.
 5. Trần Ánh Bắc, Nguyễn Bùi Thanh Diên, Bạch Thị Thanh Hậu, Mai Đình Hậu, Nguyễn Thị Hoài và cộng sự. Kiến thức, thái độ và thực hành về phòng ngừa lây nhiễm vi rút viêm gan B ở sinh viên y khoa, Trường Đại học Tây Nguyên năm 2022. *Tạp chí Khoa học Tây Nguyên.* 2024. 18(5), 45-51, <https://doi.org/10.5281/zenodo.14016637>.
 6. Võ Quang Trung, Chu Thị Thảo, Trần Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Huyền Trân, Lê Trung Kiên. Khảo sát kiến thức và thái độ phòng ngừa về bệnh viêm gan siêu vi B của sinh viên ngành Dược học tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. *Vietnam Medical Journal.* 2024. 539(3), 66-71, <https://doi.org/10.51298/vmj.v539i3.10019>.
 7. Rahman S, Das SK, Farhana Z, Siddik MAB, Roy A, et al. Assessment of knowledge, attitudes and practices regarding Hepatitis B virus among nurses in Bangladesh: a cross-sectional study. *MedRxiv.* 2024. <https://doi.org/10.1101/2024.05.12.24307258>.
 8. Lê Thanh Huyền, Trịnh Thị Hồng Nhung, Lê Đức Tâm, Nguyễn Đăng Vững, Trần Thị Thanh Thủy. Kiến thức phòng bệnh viêm gan B của sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa năm 2021 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam.* 2022. 2, 92-96, <https://doi.org/10.51298/vmj.v515i2.2764>.
-